

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/ST- HNGĐ
Ngày: 09-3- 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hương và ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị NH – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 429/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phan Châu L – Sinh năm: 1985 – Có mặt

Địa chỉ: N, P, N, Ninh Thuận.

Bị đơn: bà Võ Thị Hồng Q – Sinh năm: 1992 – Có mặt

Địa chỉ: thôn V, xã P1, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26-12-2022 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Châu L trình bày:*

Về hôn nH: ông và bà Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã P theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 19-4-2016. Thời gian gần đây, ông phát hiện bà Q có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, cho rằng bà Q ngoại tình dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa hợp. Cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nH ông và bà Q có một con chung là cháu Phan Võ Gia H – Sinh ngày: 20-11-2016, hiện tại ông đang trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Võ Thị Hồng Q trình bày:*

Về hôn nH: bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với ông L nữa nên thuận tình ly hôn với ông L.

Về con chung: bà không đồng ý giao con chung là cháu Phan Võ Gia H – Sinh ngày: 20-11-2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông L chu cấp tiền nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện viện kiểm sát nH dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nH

và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Châu L đối với bị đơn bà Võ Thị Hồng Q và buộc ông L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp được xác định là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nH dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nH: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L và bà Q xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nH không đạt được nên thuận tình ly hôn với nhau. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông L và bà Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nH, ông L và bà Q có một con chung là cháu Phan Võ Gia H – Sinh ngày: 20-11-2016. Khi ly hôn, ông L và bà Q đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông L và bà Q không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Tính đến thời điểm xét xử, cháu H chưa đủ 7 tuổi, việc giao cháu H cho ai trực tiếp nuôi dưỡng được căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nH và Gia đình.

Về điều kiện nuôi con của ông Phan Châu L: ông L hiện đang làm việc tại Công ty Cổ phần xây dựng Hacom Ninh Thuận có mức thu nhập tổng cộng là

19.120.429 đồng, hiện tại đang ở cùng cha mẹ, cha ông L là cán bộ hưu trí, từ khi cháu H sinh ra cho đến nay, cha mẹ ông L cùng với ông L và bà Q trông nom cháu khi cha mẹ cháu đi làm và cháu đã quen với môi trường sinh sống tại nhà ông L.

Về điều kiện nuôi con của bà Võ Thị Hồng Q: bà Q hiện đang là cán bộ Thư viện trường Tiểu học cơ sở Liên Sơn 2, xã Phước Vinh, có mức thu nhập là 5.193.693 đồng. Ngoài thu nhập chính bà Q trình bày còn bán hàng online với thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Q trình bày, bà còn khoản nợ hàng tháng phải thanh toán cho Ngân hàng là 3.500.000 đồng/tháng. Như vậy, sau khi thực hiện nghĩa vụ, mức thu nhập của bà Q còn lại: 5.193.693 đồng – 3.500.000 đồng = 1.593.000 đồng; bà Q hiện tại đang ở một mình và ở nhờ nhà bà Trần Thị Hương tại thôn V, xã P1.

Như vậy, so sánh điều kiện thực tế để đảm bảo việc nuôi con giữa hai bên thấy rằng: Tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, điều kiện nuôi con của ông L đảm bảo hơn so với điều kiện nuôi con của bà Q.

Tại phiên tòa, bà Q tranh luận đưa ra hai lý do để giành quyền nuôi con gồm: Cháu H là con gái nên việc giao con cho bà chăm sóc tốt hơn; khi bà không còn chung sống với ông L thì cháu H có biểu hiện sa sút về học tập, sách vở, đồ dùng học tập, quần áo của cháu khi đến lớp không được đảm bảo nên thường xuyên bị cô giáo nhắc nhở.

Đối với lý do cho rằng cháu H là con gái nên giao cho mẹ chăm sóc tốt hơn là không có cơ sở, bởi lẽ: cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung; thời điểm hiện tại, pháp luật cũng không có quy định đối với con gái phải giao cho mẹ;

Đối với lý do cho rằng từ khi ông L trực tiếp chăm sóc cháu H, cháu có biểu hiện sa sút về học tập, sách vở, đồ dùng học tập, quần áo của cháu khi đến lớp không được đảm bảo nên thường xuyên bị cô giáo nhắc nhở. Vấn đề này, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Trường tiểu học Bảo An 2 được biết: thời gian đầu khi cha mẹ cháu xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, cháu H có sa sút về mặt học tập, tuy nhiên thời gian gần đây cháu đã ổn định, học tập tiến

bộ, đến lớp vui vẻ, hòa đồng...Như vậy, lý do bà Q đưa ra là chưa đủ cơ sở thuyết phục.

Mặt khác, dù không đủ căn cứ chứng minh bà Q có quan hệ ngoại tình như lời trình bày của ông L, tuy nhiên có đủ căn cứ để xác định bà Q có nhấn tin qua lại với người đàn ông khác (bà Q thừa nhận nội dung nhấn tin như các tài liệu chứng cứ ông L cung cấp), đây là nguyên nhân chính dẫn tới hôn nhân đổ vỡ. Sau khi ông L phát hiện bà Q có nhấn tin qua lại với người đàn ông khác, bà Q và ông L đã tự làm đơn xin ly hôn và thỏa thuận giao con cho ông L nuôi dưỡng. Bà Q thừa nhận việc này nhưng cho rằng bị ông L ép buộc phải viết, nhưng bà Q không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Từ sự phân tích trên thấy rằng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm việc giao con chung cho ông L nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con hơn so với việc giao con cho bà Q. Trường hợp sau này, nếu có đủ căn cứ bà Q có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do ông L không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc ông L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002904 ngày 27-12-2022.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 55, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Châu L và bà Võ Thị Hồng Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Võ Gia H – Sinh ngày: 20-11-2016 cho ông Phan Châu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Phan Châu L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002904 ngày 27-12-2022, ông Phan Châu L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đương sự. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hường Phạm Ngọc Minh

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

Để đánh giá điều kiện nuôi con, Tòa án có yêu cầu các bên cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập theo đó: ông Phan Châu L hiện đang làm việc tại Công ty Cổ phần xây dựng Hacom Ninh Thuận có mức thu nhập là 19.120.429 đồng; bà Q hiện đang là cán bộ Thư viện trường Tiểu học cơ sở Liên Sơn 2, xã Phước Vinh, có mức thu nhập là 5.193.693 đồng. Ngoài ra bà Q còn trình bày bán hàng online với thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, nhưng không có

tài liệu, chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Q trình bày, bà còn khoản nợ hàng tháng phải thanh toán cho Ngân hàng là 5.500.000 đồng/tháng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Q sinh sống được biết, bà Q hiện tại đang ở nhờ nhà bà Trần Thị Hương ở thôn V, xã P1. Lý do ở nhà bà Hương là do bà Q không có nhà ở riêng, nhà cha mẹ thì có không gian sinh hoạt chật hẹp. Cha mẹ bà Q Q hiện tại làm nông, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Trong khi đó ông L cũng đang ở cùng cha mẹ, cha mẹ ông L đều là cán bộ hưu trí, có điều kiện về thời gian để cùng với ông L chăm sóc con chung.

Mặt khác, dù chưa đủ căn cứ chứng minh bà Q có quan hệ ngoại tình như lời trình bày của ông L, tuy nhiên có đủ căn cứ để xác định bà Q có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác là nguyên nhân chính dẫn tới việc ly hôn. Sau khi ông L phát hiện bà Q có nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, bà Q và ông L đã tự làm đơn xin ly hôn và thỏa thuận giao con cho ông L nuôi dưỡng. Bà Q thừa nhận việc này nhưng cho rằng bị ông L ép buộc phải viết nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Y Phạm Ngọc Minh

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NH DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Y Phạm Ngọc Minh

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Vĩnh, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NH DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NH DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nh dân: Bà Lê Thị Hương và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nH và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nH: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.

